INDONESIA TRONG CHÍNH SÁCH ĐỐI NGOẠI CỦA MỸ GIAI ĐOẠN 1945 - 1965

NGUYỄN VĂN TẬN*
NGUYỄN THỊ HỒNG HẠNH**

Tóm tắt: *Chính sách trung lập của Indonesia trong quan hệ với Mỹ được coi là chính sách đặc trưng và mang sắc thái riêng trong nền ngoại giao của Indonesia thời Tổng thống Sukarno. Mục đích của bài viết là làm rõ vị thế của Indonesia trong chính sách đối ngoại của Mỹ và con đường mà Indonesia đã chọn trong quan hệ với các nước lớn sau năm 1945 và hệ quả của nó. Ngoài ra, bài viết còn nhằm làm rõ sự điều chỉnh trong chính sách của Mỹ đối với Indonesia giai đoạn 1945 - 1965. Thông qua đó, chúng ta nhận diện được điểm đặc biệt trong nền ngoại giao của Indonesia và sự điều chỉnh trong chính sách đối ngoại mà Mỹ áp dụng đối với Indonesia qua hai giai đoạn lịch sử trong quan hệ giữa Mỹ với Indonesia. Trong đó, giai đoạn 1945 - 1949 là giai đoạn Mỹ từ chỗ ủng hộ Hà Lan đến chỗ đóng vai trò trung gian hòa giải giữa Hà Lan và Indonesia. Kế hoach Marsall do Mỹ tài trợ cho châu Âu trong đó có Hà Lan đã giúp Hà Lan tái chiếm Indonesia. Trước tình hình đó Tổng thống Sukarno yêu càu Mỹ đứng ra làm vai trò trung gian hòa giải. Qua ba cuộc hội đàm ở Lingajati tháng 3/1947, Renville tháng 1/1948 và Lahay tháng 11/1949 với vai trò trung gian hòa giải của Mỹ, Hà Lan buộc phải trao trả chủ quyền trên toàn bộ lãnh thổ cho Indonesia. Giai đoạn 1950 - 1965 là giai đoạn đánh dấu những thay đổi trong chính sách đối ngoại của Mỹ đối với Indonesia, tìm mọi cách thoát ra khỏi sự kiềm tỏa của Mỹ. Sau năm 1950, Indonesia thực hiện chính sách đối ngoại trung lập, phản đối việc thành lập khối quân sự Đông Nam Á. Điều đó đã đụng chạm đến lợi ích của Mỹ nên Mỹ đã tiến hành can thiệp và lật đổ chính quyền của Tổng thống Sukarno vào năm 1965. Mặc dù Mỹ đã đạt được mục đích trong việc lạt đổ tổng thống Sukarno nhưng chính sách ngoại giao không liên kết do Sukarno đề xướng và thực thi trong giiai đoạn 1945 - 1965 vẫn được các tổng thống Indonesia kế tiếp duy trì và được coi là nét đặc trưng trong đường lối đối ngoại của Indonesia từ sau năm 1945 cho đến nay.*

Từ khóa: *Indonesia, Mỹ, chính sách đối ngoại, trung gian hòa giải, trung lập, can thiệp.*

---

* PGS.TS. Nguyễn Văn Tận, ** Nguyễn Thị Hồng Hạnh, Đại học Khoa học Huế

Mở đầu

Sau Chiến tranh Thế giới thứ hai, phong trào đấu tranh giải phóng dân tộc bùng phát mạnh mẽ ở hầu khắp các châu lục Á, Phi và Mỹ - Latinh. Ở Đông Nam Á, Việt Nam và Indonesia đã giành được độc lập vào tháng 8/1945, trong khi đó, phong trào cách mạng cũng đang dâng cao ở hai nước láng giềng là Lào và Campuchia. Những diễn tiến của phong trào đấu tranh giành độc lập dân tộc ở Đông Nam Á đã tác động sâu sắc đến chính sách của các nước lớn đối với khu vực này. Điều cần nhận thấy ở đây là khu vực Đông Nam Á vốn là thuộc địa của các nước thực dân phương Tây bao gồm Anh, Pháp, Tây Ban Nha, Mỹ và Hà Lan. Để duy trì Đông Nam Á trong vòng cương tỏa của các nước phương Tây cũng như để tạo vị thế của Mỹ ở khu vực này, Mỹ đã sử dụng lợi thế của một nước "tiên phong" trong phong trào đấu tranh giải phóng dân tộc nhằm can thiệp vào công việc nội bộ của các nước Đông Nam Á. Chính sách của Mỹ ở khu vực Đông Nam Á được thể hiện rõ nhất ở 3 nước là Việt Nam, Thái Lan và Indonesia. Vấn đề đặt ra ở đây là Mỹ thực thi cùng một chính sách nhưng kết quả đạt được ở 3 nước là hoàn toàn khác nhau. Đối với Việt Nam, Mỹ không đạt được mục đích lôi kéo Việt Nam về phía mình nên sau đó Mỹ quay ra ủng hộ Pháp trong cuộc chiến Đông Dương lần thứ hai (1946 - 1954). Đối với Thái Lan, Mỹ đã thay thế Anh và biến Thái Lan thành đồng minh của Mỹ. Riêng Indonesia, Mỹ chỉ đạt được việc duy trì nước này trong tình trạng trung lập. Tìm hiểu Indonesia trong chính sách đối ngoại của Mỹ (1945 - 1965) nhằm làm rõ vị thế của Indonesia trong chính sách đối ngoại của Mỹ và con đường mà Indonesia đã chọn trong quan hệ với các nước lớn sau năm 1945 và hệ quả của nó.

1. Indonesia trong chính sách đối ngoại của Mỹ trong quan hệ với Hà Lan giai đoạn 1945 - 1949

Sau khi giành được độc lập vào ngày 17/8/1945, Indonesia đã ban hành bản hiến pháp làm cơ sở pháp lý cho việc hoạch định chính sách đối ngoại trong quan hệ với các nước lớn và các nước trong khu vực. Quan điểm về chính sách đối ngoại của Indonesia là phát triển quan hệ với các nước láng giềng và hợp tác với tất cả các quốc gia trên thế giới. Trong quan hệ với các nước lớn, Indonesia chủ trương cân bằng lực lượng và không chấp nhận bất kỳ sự áp đặt nào từ bên ngoài. Đây là quan điểm nhất quán và xuyên suốt trong nền ngoại giao của Indonesia từ sau năm 1945 đến năm 1965. Trong khi đó, các nhà hoạch định của Mỹ hoạch định một chính sách đối ngoại hết sức cẩn trọng đối với Indonesia. Trong những năm Chiến tranh thế giới thứ hai, Mỹ tìm mọi cách để làm giảm vai trò và vị thế của các nước Anh, Pháp và Hà Lan ở Đông Nam Á và mở rộng ảnh hưởng của Mỹ ở khu vực này. Tuy nhiên, do sự không đồng thuận trong nội bộ các nước phương Tây, đặc biệt là sự bất đồng trong quan điểm giữa Anh và Mỹ nên cuối cùng các nước đạt được sự thỏa thuận là khu vực Đông Nam Á vẫn thuộc phạm vi ảnh hưởng của các nước thực dân cũ. Trong bối cảnh đó, Mỹ buộc phải điều chỉnh chính sách đối ngoại của mình. Kế hoạch Marsall do Mỹ tài trợ cho các nước

châu Âu trong đó có Hà Lan đã giúp Hà Lan tăng thêm sức mạnh trong việc tái chiếm Indonesia. Trước tình hình đó, tổng thống Indonesia là Sukarno đã yêu cầu Mỹ đứng ra làm vai trò trung gian hòa giải. Đáp lại yêu cầu đó, phía Mỹ đã bày tỏ thái độ cầm chừng khi cho rằng đó là công việc nội bộ nên không can thiệp. Tuy nhiên, trên thực tế, Mỹ lại hỗ trợ Hà Lan vũ khí và các thiết bị quân sự. Tháng 1/1947, Mỹ đã cho Hà Lan vay hơn 100 triệu USD. Sự can thiệp của Mỹ ngày càng sâu vào cuộc chiến giữa Hà Lan với Indonesia đã gây nên làn sóng phản đối trên toàn thế giới. Để xoa dịu dư luận, Mỹ đã gây áp lực với Hà Lan buộc nước này phải ngồi vào bàn đàm phán. Cuộc đàm phán giữa Hà Lan với Indonesia có sự tham gia của Mỹ đã kết thúc với việc ký Hiệp định ngừng bắn Lingajatti ngày 25/3/1947. Theo nội dung của Hiệp định Lingajatti, Hà Lan công nhận quyền thực tế của Chính phủ Indonesia tại Java, Maduara và Sumatra; và nước Cộng hòa Indonesia phải gia nhập Liên bang Indonesia do Hà Lan lập nên (bao gồm cả khu vực do Hà Lan chiếm đóng). Với kết quả trên, Mỹ chính thức thừa nhận Indonesia là một phần trong chủ quyền của Hà Lan. Việc Mỹ công nhận chủ quyền của Hà Lan tại Indonesia đã gây nên sự bất bình trong xã hội Indonesia. Nhân dân Indonesia buộc phải có những hành động cứng rắn để thay đổi những quy định trong Hiệp định Lingajatti. Quan hệ giữa Hà Lan và Indonesia vì thế trở nên căng thẳng. Trong khi đó, Mỹ vẫn thúc ép Indonesia chấp nhận các điều khoản có lợi cho Hà Lan. Được sự hỗ trợ của Mỹ, Hà Lan đã gây hấn với quân đội Indoneia vào ngày 27/7/1947 và yêu cầu quân đội Indonesia rút khỏi đảo Sumatra. Trước sự lộng hành của Hà Lan, Tổng thống Sukarno đã đệ trình sự kiện này lên Hội đồng Bảo an Liên Hợp Quốc và cáo buộc Mỹ can dự vào công việc nội bộ của Indonesia. Trong vấn đề này, Sukarno cho rằng *"Cũng giống như tổ tiên của người Mỹ 170 năm trước đã chiến đấu vì tự do và độc lập, nay chúng tôi những người Indonesia chiến đấu cũng vì mục đích này. Có khác chăng, chúng tôi đang chống lại sự cai trị của một đất nước bên kia bờ đại dương"*[1].

Trước thái độ kiên quyết của Indonesia và sự ủng hộ của Liên Hợp Quốc, Mỹ một lần nữa điều chỉnh chính sách đối ngoại cho thích ứng với tình hình mới. Ngày 6/8/1947, Mỹ đề xuất một phương án nhằm giải quyết tranh chấp giữa Hà Lan với Idonesia là thành lập một Ủy ban hòa giải quốc tế. Ủy ban này do Mỹ làm chủ tịch và các ủy viên bao gồm Australia (quốc gia ủng hộ Indonesia tại Liên Hợp Quốc, Bỉ (đồng minh của Hà Lan) (2). Thông qua Ủy ban hòa giải, Mỹ đã trực tiếp can thiệp vào công việc nội bộ của Indonesia.

Ngày 17/1/1948, Hiệp định Renville được ký kết trên con tàu hải quân của Mỹ. Mặc dù còn nhiều vấn đề chưa được giải quyết nhưng những kết quả đạt được trong Hiệp định Renville là hoàn toàn phù hợp với mục tiêu mà Mỹ đã đề ra là dung hòa được quyền lợi của cả hai bên. Theo thỏa thuận Renville, những điều khoản trong thỏa thuận này có lợi cho Hà Lan còn Indonesia chỉ kiểm soát những khu vực xa xôi ở miền Trung Java và vùng núi Sumatra. Để gây ảnh hưởng với Indonesia và xác lập vị thế của mình trên lãnh thổ

này, Mỹ đã gây sức ép buộc Hà Lan ngồi vào bàn đàm phán tại Hội nghị ở La Haye diễn ra từ ngày 23/8 đến ngày 2/11/1949. Kết quả của Hội nghị này là Hà Lan chấp nhận trao trả chủ quyền trên toàn bộ lãnh thổ Indonesia. Ngày 2/11/1949, Indonesia trở thành quốc gia độc lập, chấm dứt sự thống trị trên 300 năm của thực dân Hà Lan đối với Indonesia.

Ngày 27/12/1949, Mỹ và Indonesia chính thức thiết lập quan hệ ngoại giao, mở ra một trang mới trong quan hệ hai nước.

2. Indonesia trong chính sách đối ngoại của Mỹ giai đoạn 1950 - 1965

Giai đoạn 1950 - 1965 là giai đoạn đánh dấu những thay đổi trong chính sách đối ngoại của Mỹ đối với Indonesia. Sau khi giành được độc lập, Indonesia thực hiện chính sách trung lập trong quan hệ với các nước lớn. Chính sách ngoại giao mà Indonesia theo đuổi là *"Mang tính thực dụng, đối với chính trị toàn cầu đều thể hiện một cách nhẹ nhàng và không tỏ ra chống đối các cường quốc phương Tây"*[3]. Vì vậy, Indonesia một mặt vẫn dựa vào Mỹ để giải quyết phần còn lại chưa sáp nhập vào nước này là vùng Tây Irian, mặt khác lại thực thi chính sách thân Liên Xô. Thực chất chính sách đối ngoại của Indonesia dựa trên học thuyết Sukarno lấy *'chủ nghĩa quốc gia"* và không muốn đối đầu với hệ tư tưởng của Mỹ. Chính sách đối ngoại thực dụng được Indonesia triển khai và thực thi trên thực tế đã cản trở sự can thiệp của Mỹ vào công việc nội bộ của Indonesia. Lo sợ ảnh hưởng của chủ nghĩa xã hội lan tỏa đến các nước trong khu vực, trong đó có cả Indonesia, ngày 23/12/1953, Phó tổng thống Mỹ Nixon đã tuyên bố trên truyền hình Hoa Kỳ: *"Nếu Đông Dương bị mất thì Thái Lan sẽ đặt vào một tình trạng không thể đứng vững được. Điều đó cũng đúng với Malaysia với tài nguyên phong phú về cao su và thiếc. Điều đó cũng đúng cả với Indonesia. Nếu tất cả phần đất này của khu vực Đông Nam Á bị rơi vào sự thống trị của cộng sản hoặc chịu ảnh hưởng của cộng sản thì Nhật do buôn bán với khu vực vì sự sống còn của mình nhất định phải hướng vào chế độ cộng sản"*[4].

Để cải thiện tình hình, Mỹ tìm mọi cách gây ảnh hưởng đối với Indonesia thông qua chương trình hỗ trợ quân sự, kinh tế, kỹ thuật cho những quốc gia nào cam kết vào hệ thống phòng thủ do Mỹ đứng đầu. Ngoại trưởng Indonesia lúc bấy giờ là Subardjo thông báo cho đại sứ Mỹ Merle Cochran là sẽ đồng ý nhận viện trợ. Tuy nhiên, do sự phản đối của các lực lượng chính trị ở trong nước, chính sách này đã bị thất bại và đại sứ Merle Cochran buộc phải từ chức. Trong khi Mỹ tìm mọi cách gây ảnh hưởng và cố gắng "xây dựng lòng tin" đối với Indonesia thì Indonesia vẫn trung thành với đường lối đối ngoại độc lập không liên kết. Xu hướng này không chỉ thể hiện ở Indonesia mà cả ở một số nước Đông Nam Á và Nam Á. Trong số các nước ở khu vực Đông Nam Á, Indonesia là nước công khai ủng hộ Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa và mong muốn xây dựng khu vực Đông Nam Á thành khu vực hòa bình và ổn định. Tuân thủ nguyên tắc trên, Indonesia đề nghị tiến hành Hội nghị các quốc gia độc lập châu Á và châu Phi trong năm 1955. Trên cơ sở đề nghị của Indonesia, Hội nghị Bangdung (Indonesia) được tổ chức từ ngày 18 đến ngày 24/4/1955 đã thông qua Tuyên bố

Bangdung với 5 nguyên tắc chung sống hòa bình, bao gồm: Tôn trọng chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ của nhau; không xâm lược lẫn nhau; không can thiệp vào công việc nội bộ của nhau; bình đẳng và hai bên cùng có lợi; cùng tồn tại hòa bình.

Mục tiêu mà Indonesia theo đuổi là "tranh thủ quan hệ với các quốc gia khác trong khu vực, ưu tiên xem xét những vấn đề liên quan đến hòa bình, ổn định và hợp tác khu vực"(5). Indonesia là nước phản đối việc xây dựng các căn cứ quân sự trên lãnh thổ các nước Đông Nam Á và cũng là nước không tham gia các Hiệp ước phòng thủ chung Hoa Kỳ - Philippines (1953), Hiệp ước phòng thủ tập thể Đông Nam Á (SEATO - 1954).

Có thể khẳng định rằng, Indonesia lấy chính sách trung lập hay không liên kết làm nguyên tắc chỉ đạo trong đường lối đối ngoại trong suốt giai đoạn 1950 -1965. Chính sách ngoại giao cân bằng lực lượng và không liên kết của Tổng thống Sukarno đã làm cho Mỹ không hài lòng. Sự khác biệt trong đường lối đối ngoại của Mỹ và Indonesia đối với những vấn đề khu vực đã làm sự đối kháng giữa Mỹ và Indonesia ngày càng sâu sắc. Dưới nhãn quan của các nhà chiến lược Hoa Kỳ, Sukarno là cái gai cần phải nhổ. Vì vậy, từ giữa thập niên 1950, Mỹ bắt đầu huấn luyện và cung cấp trang thiết bị cho quân đội Indonesia tiến hành đảo chính lật đổ Tổng thống Sukarno. Cuộc đảo chính lần thứ nhất diễn ra vào tháng 11/1956 dưới sự giật dây của Mỹ nhưng bị thất bại. Trước những hành động can thiệp của Mỹ, Indonesia vẫn trung thành với đường lối đối ngoại trung lập của mình.

Năm 1956, Tổng thống Sukarno có chuyến thăm chính thức Hoa Kỳ và đã phát biểu trước quốc hội Mỹ rằng "Indonesia cần sự hỗ trợ về kinh tế nhưng không đánh đổi bằng nền độc lập"(6).

Năm 1957 và 1958, ở Indonesia đã xảy ra những biến động về chính trị. Với sự hỗ trợ của Mỹ, các nhóm chính trị đối lập đã đưa ra tối hậu thư buộc chính phủ Indonesia phải có những động thái để cải thiện kinh tế của đất nước thông qua việc đề ra chủ trương về "một nền dân chủ có chỉ đạo". Tổng thống Sukarno đã tố cáo đại sứ Mỹ tại Philippines là Charles Bohlen là người đứng sau các vụ biến động trên. Mỹ vẫn tìm mọi cách để lôi kéo Indonesia về phía mình nên đã gây khó khăn cho Indonesia ở diễn đàn Liên hợp quốc.

Để làm dịu tình hình, Mỹ một lần nữa muốn đóng vai trò *"trung gian hòa giải"* trong cuộc tranh chấp giữa Indonesia và Hà Lan. Ngày 20/12/1961, Mỹ tuyên bố sẵn sàng trợ giúp Indonesia trong vấn đề tranh chấp với Hà Lan và cử thượng nghị sĩ Roberrt F. Kenneddy sang Indonesia vào tháng 2/1962. Tuy nhiên, đây là thời điểm mà Indonesia đã nghiêng về phía Trung Quốc và có ý định mở rộng việc kiểm soát toàn bộ hòn đảo tới tận biên giới Thái Lan, dẫn đến xung đột giữa Indonesia và Malaysia(7). Quan hệ giữa Indonesia với Mỹ vì thế trở nên căng thẳng. Tổng thống Sukarno từ chỗ chủ trương cân bằng quyền lực giữa các nước lớn đến chỗ chống lại Hoa Kỳ trên tất cả các vấn đề quốc tế trọng yếu. Tháng 12/1964, Tổng thống Sukarno ra lệnh đóng cửa các thư viện Dịch vụ và Thông tin của Hoa kỳ ở Jakarta và Đông Java. Tiếp sau lệnh đóng cửa các thư viện

Dịch vụ Thông tin, ngày 24/4/1965, Sukarno đã ký một sắc lệnh tịch thu tất cả các doanh nghiệp nước ngoài.

Quan hệ giữa Hoa kỳ với Indonesia đạt đến đỉnh điểm của sự căng thẳng. Để lôi kéo Indonesia trở lại quỹ đạo tư bản chủ nghĩa, Hoa Kỳ đã bí mật thực hiện một cách gián tiếp việc lật đổ chính phủ Sukarno ngay trong nội bộ Indonesia. Ngày 30/9/1965, cuộc đảo chính quân sự được sự yểm trợ của Hoa Kỳ đã lật đổ Tổng thống Sukarno và đưa Suharto lên nắm quyền. Lịch sử Indonesia chuyển sang một trang mới: thời kỳ nắm quyền của Sukarno với thiết chế *"trật tự cũ"* kết thúc và thời kỳ thiết lập *"trật tự mới"*[8] của Suharto được bắt đầu.

Kết luận

Qua sự phân tích và trình bày ở trên, chúng ta thấy Indonesia là nước duy nhất ở Đông Nam Á thực hiện chính sách đối ngoại trung lập trong quan hệ với các nước lớn giai đoạn 1945 - 1965. Chính sách đó đã đạt được hiệu quả trong giai đoạn đầu đưa đến việc Hà Lan buộc phải trao trả độc lập chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ cho Indonesia vào năm 1949. Sang giai đoạn hai từ 1950 đến 1965, Indonesia cũng là nước tiên phong trong phong trào không liên kết và thực hiện chính sách trung lập trong quan hệ với Mỹ. Dẫu cho chính sách này đã bị Mỹ ngăn cản và tiến hành can thiệp, lật đổ chính quyền của Tổng Thống Sukarno, nhưng con đường ngoại giao mà Indonesia đã lựa chọn trong giai đoạn 1945 -1965 vẫn được các tổng thống Indonesia kế tiếp duy trì và được coi là nét đặc trưng trong đường lối đối ngoại của Indonesia từ sau năm 1945 cho đến nay./.

CHÚ THÍCH

1. Robert Earl Pattterson (1998), *United States-Indonesia relation, 1945 - 1949; Negative consqueces ofearly American Cold War policy,* tr.57.
2. Lương Ninh (cb), Đỗ Thanh Bình, Trần Thị Vinh (2005), *Lịch sử Đông Nam Á,* Nxb Giáo dục, Hà Nội, tr. 424.
3. Rizal, Sukma (2003), *Islam in Indonesia Foreign Policy, rouledge Curzon,* London and New York.
4. Tocqueville, Alexis de (2008), *Nền dân trị Mỹ (Phạm Toàn dịch),* Nxb Tri thức, Hà Nội, tr.171.
5. Lê Thị Liên (2011), *Khuynh hướng dân chủ nghị viện trong chính sách đối ngoại của Indonesia duwois thời tổng thống Sukarno 91950 - 1957),* Tạp chí *Nghiên cứu Đông Nam Á,* số 7/ 2011, tr. 56.
6. Col James. N. Lothrop, Jr. Ordnance (1966), *Indonesia - AUS forreign policy diploma,* US Army War College Carlisle Barrack, Pennsylvania, tr.11.
7. Col Jam es. N. Lothrop, Jr. Ordnance (1966), *Indonesia - AUS forreign policy diploma,* US Army War College Carlisle Barrack, Pennsylvania, tr.19.
8. Lương Ninh (cb), Đỗ Thanh Bình, Trần Thị Vinh (2005), tlđd, tr. 448.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Trịnh Duy Hòa (2001), *Indonesia,* Nxb Trẻ. Tp Hồ chí Minh.
2. Nguyễn Văn Hồng (1991), *Indonesia đấu tranh vì độc lập tự do 1942 - 1950,* Nxb Trường Đại học Tổng hợp Hà Nội.
3. Trần Khánh (cb) (2012), *Lịch sử Đông Nam Á,* Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
4. Inoodemxeps (1961), *Chính sách đối ngoại của Mỹ,* Nxb Sự thật, Hà Nội.
5. Huỳnh Văn Tòng (1992), *Lịch sử Indonesia (từ thế kỷ XV đến những năm 1980),* Nxb Giáo dục.
6. Jon M. Reinhardt (1971), Foreign policy and national integration: *The case of Indonesia,* University of Richmond, USA.